

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 62/2017/HSPT
Ngày 14-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Văn Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Bà Trần Thị Thu Hà.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Ngọc Anh - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:
Ông Phạm Công Văn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng mở phiên toà công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 55/2017/HSPT ngày 09/8/2017 đối với bị cáo Bùi Đình C và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo này đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2017/HSST ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Toà án nhân dân quận B3, thành phố Hải Phòng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bùi Đình C, sinh năm 1979 tại Thái Bình; ĐKKHKT: Thôn A1, xã A2, huyện A3, tỉnh Thái Bình; chỗ ở: Số 2/80 A4, phường A5, quận A6, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông Bùi Dũng T1, sinh năm 1958 và bà Ngô Thị D, sinh năm 1958; có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1980 và 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 19/12/2016 đến ngày 22/12/2016 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990 tại Hải Phòng; trú tại: Tổ dân phố số 3, phường B2, quận B3, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1967 và bà Đỗ Thị X2, sinh năm 1964; có vợ là Bùi Thị T2, sinh năm 1995 và 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/12/2016 đến ngày 22/12/2016 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 09/5/2017 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B3, Hải Phòng bắt theo Lệnh truy nã và chuyển tạm giam; có mặt.

3. Ngô Văn H, sinh năm 1987 tại Hải Phòng; trú tại: Thôn C4, xã C5, huyện C6, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; con ông Ngô Văn L, sinh năm 1959 và bà Lương Thị T3, sinh năm 1958; có vợ là Nguyễn Thị T4, sinh năm 1990 và 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh ngày

26/4/2017; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/12/2016 đến ngày 22/12/2016 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Hoàng Văn A, sinh năm 1978 tại Hải Phòng; trú tại: Thôn C4, xã C5, huyện C6, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; con ông Hoàng Quốc B, sinh năm 1953 và bà Đỗ Thị M1, sinh năm 1953; có vợ là Ngô Thị L1, sinh năm 1985 và 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/12/2016 đến ngày 22/12/2016 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Cao Đức H1, sinh năm 1976 tại Hải Phòng; trú tại: Thôn D1, xã D2, huyện D3, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông Cao Đức C3, sinh năm 1938 và bà Phạm Thị K, sinh năm 1939; có vợ là Hoàng Thị O, sinh 1979 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/12/2016 đến ngày 22/12/2016 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Lê Văn G, sinh năm 1992 tại Hải Phòng; trú tại: Thôn E, xã E1, huyện C6, Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông Lê Văn S, sinh năm 1967 và bà Vũ Thị B1, sinh năm 1968; có vợ là Hoàng Thị L2, sinh năm 1996 và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/12/2016 đến ngày 22/12/2016 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Phạm Thế C2, sinh năm 1993 tại Hải Phòng; ĐKKHKT: Số 5 B266, tổ 2, phường F, quận F1, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Tổ dân phố số 9, phường F2, quận B3, Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông Phạm Thế T4 và bà Đàm Thị M2 (đều đã chết); chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/12/2016 đến ngày 22/12/2016 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Các bị cáo không kháng cáo:

- Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 tại Hải Phòng; trú tại: Tổ dân phố G1, phường G2, quận B3, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1943 và bà Tạ Thị L3, sinh năm 1946; có vợ là Ngô Thị H2, sinh năm 1979 và 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/12/2016 đến ngày 22/12/2016 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

- Đào Văn X (tên gọi khác: Đào Văn X1), sinh năm 1978 tại Hải Phòng; trú tại: Thôn H3, xã E1, huyện C6, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 01/12; con ông Đào Văn M3, sinh năm 1938 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1939; có vợ là Phạm Thị K1, sinh năm 1982 và 04 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/12/2016 đến ngày 22/12/2016 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Đào Văn X không kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NHẬN THẤY:

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận B3, thành phố Hải Phòng và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận B3, thành phố Hải Phòng thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 15 phút ngày 16/12/2016, tại phía sau Xưởng keo Công ty TNHH Shine Luh thuộc tổ dân phố số 12, phường F2, quận B3, thành phố Hải Phòng, Công an quận B3, thành phố Hải Phòng bắt quả tang Bùi Đình C, Nguyễn Văn Q, Ngô Văn H, Hoàng Văn A, Phạm Thế C2, Lê Văn G, Cao Đức H1, Nguyễn Văn T và Đào Văn X (đều là công nhân của Công ty) đang đánh bạc dưới hình thức chơi “xóc đĩa” được thua bằng tiền. Thu giữ tại chiếu bạc 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị và 3.900.000 đồng; thu giữ trong người các đối tượng 10.470.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng đều khai nhận:

Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 16/12/2016, sau khi ăn trưa xong, Bùi Đình C rủ Lê Văn G, Nguyễn Văn Q đánh bạc bằng hình thức “xóc đĩa”. C lấy 01 bát, 01 đĩa sứ ở tủ đựng bát đĩa trong nhà xưởng và dùng kéo cắt 04 hình tròn bằng nhau (gọi là quân vị) từ vỏ bao thuốc lá Vinataba. Sau đó Hoàng Văn A, Phạm Thế C2, Cao Đức H1, Ngô Văn H, Nguyễn Văn T và Đào Văn X cùng vào tham gia đánh bạc. Các bị cáo quy định hình thức chơi như sau: 04 quân vị có 02 mặt khác nhau (01 mặt trắng và 01 mặt màu), nếu 02 quân vị hoặc 04 quân vị có mặt giống nhau thì gọi là “chẵn”; nếu 01 quân vị hoặc 03 quân vị có mặt giống nhau gọi là “lẻ”; người đánh bạc sẽ đặt tiền vào “cửa chẵn” hoặc “cửa lẻ”; đặt “cửa chẵn” thì để tiền phía trong lòng người xóc cái, đặt “cửa lẻ” thì để tiền ở phía ngoài; tỉ lệ đặt cược 1:1, nếu ai đặt “cửa chẵn” hoặc “cửa lẻ”, khi người xóc cái mở bát quân vị “chẵn” thì người đặt “cửa chẵn” thắng, quân vị lẻ người đặt “cửa lẻ” thắng; người thắng được số tiền bằng số tiền đã đặt; nếu thua mất số tiền đã đặt; đặt cửa thấp nhất là 10.000 đồng, nhiều nhất không quy định. Các đối tượng không phân công ai canh gác hay thu tiền hồ của những người tham gia đánh bạc.

Khi tham gia đánh bạc, Bùi Đình C có 600.000 đồng dùng đánh bạc, Nguyễn Văn Q có 2.300.000 đồng, trong đó có 1.300.000 đồng để đánh bạc; Ngô Văn H có 8.050.000 đồng, H sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc; Hoàng Văn A có 420.000 đồng; Cao Đức H1 có 310.000 đồng; Lê Văn G có 230.000 đồng; Phạm Thế C2 có 230.000 đồng; Nguyễn Văn T có 70.000 đồng; Đào Văn X có 50.000 đồng dùng để đánh bạc. Khi bị bắt, Cơ quan Công an thu giữ tại chiếu bạc 3.900.000 đồng; thu trong người các đối tượng 10.470.000 đồng, trong đó có 2.120.000 đồng dùng để đánh bạc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2017/HSST ngày 28/6/2017 của Tòa án nhân dân quận B3, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự; xử phạt:

- Bùi Đình C 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án (trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 19/12/2016 đến ngày 22/12/2016).

- Nguyễn Văn Q 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/5/2017 (trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 16/12/2016 đến ngày 22/12/2016).

- Cao Đức H1 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án (trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 16/12/2016 đến ngày 22/12/2016).

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; xử phạt:

- Ngô Văn H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án (trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 16/12/2016 đến ngày 22/12/2016).

- Hoàng Văn A 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án (trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 16/12/2016 đến ngày 22/12/2016).

- Lê Văn G 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án (trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 16/12/2016 đến ngày 22/12/2016).

- Phạm Thế C2 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án (trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 16/12/2016 đến ngày 22/12/2016).

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo khác; hình phạt bổ sung; về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 03 tháng 7 năm 2017, bị cáo Hoàng Văn A, Lê Văn G, Ngô Văn H, Cao Đức H1 có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 04 tháng 7 năm 2017, bị cáo Bùi Đình C, Nguyễn Văn Q, Phạm Thế C2 có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo Q giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bị cáo C, A, H, H1, G, C2 thay đổi nội dung kháng cáo, xin được cải tạo ngoài xã hội.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo C, Q mỗi bị cáo 12 tháng tù, bị cáo A, H, H1, G, C2 mỗi bị cáo 09 tháng tù về tội "Đánh bạc" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Q không cung cấp được thêm tình tiết nào

mới. Các bị cáo C, A, H, H1, G, C2 đã cung cấp được thêm Đơn xác nhận của chính quyền địa phương, Đơn xin bảo lãnh của Công ty nơi các bị cáo làm việc; bị cáo C, G, H1, C2 là lao động chính. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự mà các bị cáo được hưởng.

Xét kháng cáo của các bị cáo: Căn cứ vào nhân thân, vai trò, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo với mức án như vậy là có phần nghiêm khắc. Đối với bị cáo Q, trong thời gian áp dụng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo đã bỏ trốn và bị bắt theo Lệnh truy nã nên vẫn áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo này. Đối với bị cáo C, A, H, H1, G, C2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nơi làm việc cụ thể nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Sửa bản án sơ thẩm. Giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo Q. Giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo C cho hưởng án treo theo Điều 60 Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo A, H, H1, G, C2 cho hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ theo Điều 31 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo X, T không kháng cáo, nhưng xét nhân thân, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo này trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cần chuyển cho các bị cáo từ hình phạt tù cho hưởng án treo sang hình phạt cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Các bị cáo Bùi Đình C, Nguyễn Văn Q, Ngô Văn H, Hoàng Văn A, Cao Đức H1, Lê Văn G, Phạm Thế C2, Nguyễn Văn T và Đào Văn X có hành vi đánh bạc dưới hình thức “xóc đĩa” tại Công ty TNHH Shine Luh thuộc tổ 12, phường F2, quận B3, thành phố Hải Phòng. Khi đang chơi thì bị Công an quận B3, thành phố Hải Phòng bắt quả tang. Số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc được xác định là 6.020.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Bùi Đình C, Nguyễn Văn Q, Ngô Văn H, Hoàng Văn A, Cao Đức H1, Lê Văn G, Phạm Thế C2 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo A, H, G, C2 có thời gian tham gia quân đội.

Xét kháng cáo của các bị cáo C, Q, A, H, H1, G, C2:

Trong giờ nghỉ trưa, các bị cáo đã nảy sinh ý định đánh bạc tại phía sau Xưởng keo Công ty TNHH Shine Luh (nơi các bị cáo làm việc). Bị cáo C đã sử dụng các đồ vật ở bếp ăn bao gồm 01 bát, 1 đĩa sứ ở tủ đựng bát đĩa trong nhà xưởng và dùng kéo cắt 04 quân vị từ bao thuốc lá Vinataba làm dụng cụ chơi. Xét thấy hành vi của các bị cáo là tự phát, cũng không có hành động canh gác hay thu tiền hồ.

Mặt khác, số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là không lớn. Khi tham gia đánh bạc, C có 600.000 đồng; H có 700.000 đồng; A có 420.000 đồng; H1 có 310.000 đồng; G có 230.000 đồng; C2 có 230.000 đồng dùng để đánh bạc. Cơ quan Công an thu giữ tại chiếu bạc 3.900.000 đồng; thu trong người các đối tượng 10.470.000 đồng, trong đó có 2.120.000 đồng dùng để đánh bạc. Số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 6.020.000 đồng.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo đã cung cấp thêm tình tiết mới: Đơn xác nhận của chính quyền địa phương, Đơn xin bảo lãnh của Công ty nơi các bị cáo làm việc; bị cáo C, G, H1, C2 là lao động chính. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự mà các bị cáo được hưởng.

Tất cả các nhân thân đều không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nơi cư trú rõ ràng, có công việc cụ thể. Bị cáo C là người trực tiếp rủ rê mọi người đánh bạc, chuẩn bị dụng cụ, cầm cái, xóc đĩa để đánh bạc nhưng có số tiền đánh bạc không lớn.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi, nhân thân của các bị cáo, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo C 12 tháng tù, bị cáo A, H, H1, G, C2 mỗi bị cáo 09 tháng tù về tội "Đánh bạc" là có phần nghiêm khắc. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, không cần thiết cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Bị cáo C giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo; các bị cáo A, H, H1, G, C2 chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt cải tạo không giam giữ.

Xét kháng cáo của bị cáo Q:

Bị cáo Q là người có số tiền dùng để đánh bạc nhiều nhất so với đồng bọn nhưng số tiền 1.300.000 đồng là không lớn nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Q 12 tháng tù về tội "Đánh bạc" có phần hơi nặng. Tuy nhiên, trong thời gian áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo Q đã có hành vi trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra nhiều lần không liên lạc được với bị cáo và phải ra Lệnh truy nã nên cần giữ nguyên hình phạt tù đối với bị cáo Q mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Q không cung cấp được tình tiết mới. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Q: Giữ nguyên hình phạt tù nhưng giảm nhẹ một phần hình phạt.

Đối với 02 bị cáo Nguyễn Văn T và Đào Văn X tuy không kháng cáo nhưng xét tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo tham gia trong vụ án đánh bạc, Hội đồng xét xử xét thấy cần chuyển hình phạt cho các bị cáo từ hình phạt tù cho hưởng án treo sang hình phạt cải tạo không giam giữ theo Điều 31 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo được hưởng mức án cải tạo không giam giữ đều không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên được miễn khấu trừ thu nhập.

Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c, đ khoản 1, khoản 2 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Sửa bản án sơ thẩm: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Đình C, Nguyễn Văn Q, Ngô Văn H, Hoàng Văn A, Phạm Thế C2, Lê Văn G, Cao Đức H1.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự; xử phạt:

- Nguyễn Văn Q 09 (*chín*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/5/2017 (trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 16/12/2016 đến ngày 22/12/2016).

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự; xử phạt:

- Bùi Đình C 12 (*mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 24 (*hai mươi tư*) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Bùi Đình C cho UBND phường A5, quận A6, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 31 xử phạt:

- Cao Đức H1 27 (*hai mươi bảy*) tháng cải tạo không giam giữ; trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ là 07 (*bảy*) ngày từ ngày 16/12/2016 đến ngày 22/12/2016 (quy đổi bằng 21 (*hai mươi một*) ngày cải tạo không giam giữ) nên thời gian còn lại bị cáo phải chấp hành là 26 (*hai mươi sáu*) tháng 9 (*chín*) ngày.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã D2, huyện D3, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Cao Đức H1 cho Ủy ban nhân dân xã D2, huyện D3, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Ngô Văn H 27 (*hai mươi bảy*) tháng cải tạo không giam giữ; trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ là 07 (*bảy*) ngày từ ngày 16/12/2016 đến ngày 22/12/2016

(quy đổi bằng 21 *(hai mươi mốt)* ngày cải tạo không giam giữ) nên thời gian còn lại bị cáo phải chấp hành là 26 *(hai mươi sáu)* tháng 9 *(chín)* ngày.

- Hoàng Văn A 27 *(hai mươi bảy)* tháng cải tạo không giam giữ; trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ là 07 *(bảy)* ngày từ ngày 16/12/2016 đến ngày 22/12/2016 (quy đổi bằng 21 *(hai mươi mốt)* ngày cải tạo không giam giữ) nên thời gian còn lại bị cáo phải chấp hành là 26 *(hai mươi sáu)* tháng 9 *(chín)* ngày.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã C5, huyện C6, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Cao Đức H1, Hoàng Văn A cho Ủy ban nhân dân xã C5, huyện C6, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Lê Văn G 27 *(hai mươi bảy)* tháng cải tạo không giam giữ; trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ là 07 *(bảy)* ngày từ ngày 16/12/2016 đến ngày 22/12/2016 (quy đổi bằng 21 *(hai mươi mốt)* ngày cải tạo không giam giữ) nên thời gian còn lại bị cáo phải chấp hành là 26 *(hai mươi sáu)* tháng 9 *(chín)* ngày.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã E1, huyện C6, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Văn G cho Ủy ban nhân dân xã E1, huyện C6, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Phạm Thế C2 27 *(hai mươi bảy)* tháng cải tạo không giam giữ; trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ là 07 *(bảy)* ngày từ ngày 16/12/2016 đến ngày 22/12/2016 (quy đổi bằng 21 *(hai mươi mốt)* ngày cải tạo không giam giữ) nên thời gian còn lại bị cáo phải chấp hành là 26 *(hai mươi sáu)* tháng 9 *(chín)* ngày.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường F, quận F1, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Thế C2 cho Ủy ban nhân dân phường F, quận F1, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 31 xử phạt:

- Nguyễn Văn T 18 *(mười tám)* tháng cải tạo không giam giữ; trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ là 07 *(bảy)* ngày từ ngày 16/12/2016 đến ngày 22/12/2016 (quy đổi bằng 21 *(hai mươi mốt)* ngày cải tạo không giam giữ) nên thời gian còn lại bị cáo phải chấp hành là 17 *(mười bảy)* tháng 9 *(chín)* ngày.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường G2, quận B3, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân phường G2, quận B3, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Đào Văn X (tên gọi khác: Đào Văn X1) 18 *(mười tám)* tháng cải tạo không giam giữ; trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ là 07 *(bảy)* ngày từ ngày 16/12/2016

đến ngày 22/12/2016 (quy đổi bằng 21 *(hai mươi mốt)* ngày cải tạo không giam giữ) nên thời gian còn lại bị cáo phải chấp hành là 17 *(mười bảy)* tháng 9 *(chín)* ngày.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã E1, huyện C6, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đào Văn X (tên gọi khác: Đào Văn X1) cho Ủy ban nhân dân xã E1, huyện C6, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Ngô Văn H, Hoàng Văn An, Cao Đức H1, Lê Văn G, Phạm Thế C2, Nguyễn Văn T và Đào Văn X (tên gọi khác: Đào Văn X1).

2. Về án phí: Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án số 12/2017/HSST ngày 28/6/2017 của Tòa án nhân dân quận B3, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TPHP;
- VKSND cấp sơ thẩm;
- PV27 Công an TPHP;
- Công an cấp sơ thẩm;
- Tòa án cấp sơ thẩm;
- Sở Tư pháp;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Tuấn